TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1124/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 23-8-2018
V/v: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Thế Viễn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Soan

Bà Trần Thị Thanh Vân

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thành Phong – Thư ký Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận G, xét xử sơ thẩm công khai, vụ án dân sự thụ lý số: 1636/2017/TLST-HNGĐ, Ngày 05 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 311/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2018.

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1984; địa chỉ, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh, (có mặt).

Bị đơn: Ông Dương Thanh H, sinh năm 1976; địa chỉ, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ, Phường C, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Dương Thị Thanh H, sinh năm 1966; địa chỉ, Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, (Bà H là người giám hộ cho ông H), (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 04 tháng 12 năm 2017, bản tự khai, qua các lần làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa này nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày: Bà Nguyễn Thị L với ông Dương Thanh H tự nguyện chung sống từ năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, Giấy chứng nhận kết hôn số: 00005 quyển số: 01/2005 ngày 10 tháng 01 năm 2005. Bà L và ông H có 02 con chung tên là Dương Thị Ánh T, sinh ngày 13 tháng 4 năm 2006 và Dương Thị Hồng T, sinh ngày 15 tháng 8 năm 2008. Mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm sống, ông H ham chơi không biết lo toan cho gia đình, đã ly thân được mấy năm nay, từ ngày ly thân ông H hay uống rượu làm cho tinh thần sa sút, và theo yêu cầu của bà L, ông H đã bị Tòa án nhân dân quận G tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự theo Quyết định giải

quyết việc dân sự số: 257/2018/QĐDS-ST ngày 21 tháng 6 năm 2018. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa bà L và ông H không còn, bà yêu cầu Tòa giải quyết cho ly hôn với ông H để ổn định cuộc sống.

Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, bà L yêu cầu:

- Về con chung: Bà L xin trực tiếp nuôi 02 con con chung và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bà Dương Thị Thanh H là người đại diện theo pháp luật của ông H trình bày: Do cha và mẹ của ông H đã chết, bà H là chị ruột của ông H, đã được Ủy ban nhân dân phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cho đăng ký là người giám hộ cho ông H (căn cứ Trích lục giám hộ số: 844/TLGH-BS ngày 30/7/2018 của UBND phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh). Bà H đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L đối với ông H, do ông H đang bị mất năng lực hành vi dân sự, không thể nuôi con, nên bà H chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của bà L và đề nghị Tòa án giao 02 con chung của bà L và ông H tên là: Dương Thị Ánh T, sinh ngày 13 tháng 4 năm 2006 và Dương Thị Hồng T, sinh ngày 15 tháng 8 năm 2008 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, ông H không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung của bà L và ông H: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Người đại diện của bị đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72, Điều 86 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn xin được giải quyết ly hôn theo nội dung đã trình bày là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về tố tụng:

[3] Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số: 00005 quyển số: 01/2005 ngày 10 tháng 01 năm 2005 của Ủy ban nhân dân phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Nguyễn Thị L và ông Dương Thanh H đã xác định quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông H là quan hệ hôn nhân hợp pháp được điều chỉnh bởi Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Yêu cầu xin ly hôn của bà L đối với ông H là quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận G theo qui định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Căn cứ vào các biên bản tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 311/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2018 và Giấy triệu tập tham gia phiên tòa thì Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà Dương Thị Thanh H tới tham gia phiên tòa nhưng bà H có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà H.

[6] Về nội dung:

[7] Đối với yêu cầu ly hôn của bà L thì Hội đồng xét xử nhận thấy:

[8] Bà L yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn, theo nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng không còn tình cảm, có mâu thuẫn trầm trọng, ly thân đã lâu, ông H hiện đã mất năng lực hành vi dân sự. Tòa án đã lấy ý kiến của con chung của bà L và ông H thì các con đều có nguyện vọng được ở cùng với bà L nếu cha mẹ ly hôn. Như vậy, thực tế vợ chồng không còn chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được. Người đại diện của bị đơn cũng yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà L được ly hôn với ông H. Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử thấy rằng nên chấp nhận giải quyết cho ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn.

[9] Từ những nhận định như trên Hội đồng xét xử thống nhất giải quyết cho bà L được ly hôn với ông H, cụ thể như sau:

[10] Về hôn nhân: Bà L được ly hôn với ông H, quan hệ hôn nhân chấm dứt khi có bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

[11] Về con chung: Bà L được trực tiếp nuôi con chung chưa thành niên cho đến khi trưởng thành, ông H không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con vì bà L không yêu cầu cấp dưỡng.

[12] Về tài sản chung, nợ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

[13] Bà L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đ (ba trăm ngàn đồng) theo Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 85, Điều 147, Điều 150, Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.
- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Dương Thanh H.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 00005 quyển số: 01/2005 ngày 10 tháng 01 năm 2005 của Ủy ban nhân dân phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Nguyễn Thị L và ông Dương Thanh H hết hiệu lực kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung của bà L và ông H tên là: Dương Thị Ánh T, sinh ngày 13 tháng 4 năm 2006 và Dương Thị Hồng T, sinh ngày 15 tháng 8 năm 2008 từ ngày ly hôn đến khi con trưởng thành, ghi nhận việc bà L không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp ông H được phục hồi năng lực hành vi dân sự thì ông H được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở quyền này của ông H. Nếu ông H lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của ông H.

Vì quyền lợi mọi mặt của con chung, khi cần thiết có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

2. Án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đ (ba trăm ngàn đồng) bà L phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đ (ba trăm ngàn đồng) đã tạm nộp án phí theo biên lai số: AA/2017/0028114 ngày 05 tháng 12 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận G. Bà L đã nộp đủ án phí.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo các quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người đại diện hợp pháp của bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM;
- - VKSND q. G;
- THA DS q. G;
- UBND p M, q G, Tp HCM;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký tên, đóng dấu)

Hoàng Thế Viễn